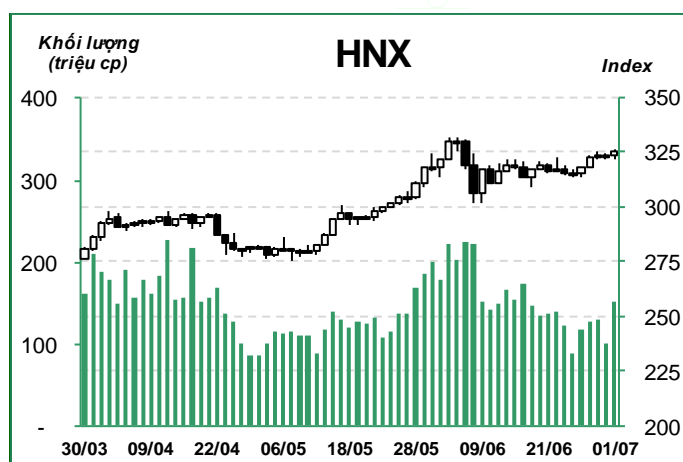
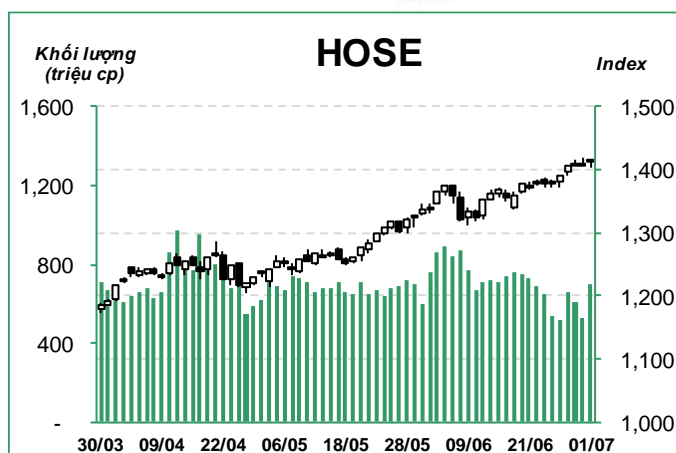


## Tổng quan thị trường

01/07/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,417.08</b>	<b>0.61%</b>	<b>1,545.14</b>	<b>1.06%</b>	<b>325.72</b>	<b>0.74%</b>
Cuối tuần trước	1,390.12	1.94%	1,500.30	2.99%	318.22	2.36%
Trung bình 20 ngày	1,374.84	3.07%	1,488.46	3.81%	318.24	2.35%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>753.56</b>	<b>26.59%</b>	<b>266.80</b>	<b>24.38%</b>	<b>156.40</b>	<b>51.66%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>699.28</b>	<b>31.37%</b>	<b>253.52</b>	<b>31.58%</b>	<b>151.10</b>	<b>51.29%</b>
Trung bình 20 ngày	673.09	3.89%	232.75	8.92%	137.02	10.28%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>26,131.42</b>	<b>24.11%</b>	<b>14,439.16</b>	<b>13.73%</b>	<b>3,769.73</b>	<b>56.77%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>23,612.68</b>	<b>33.14%</b>	<b>13,706.83</b>	<b>29.28%</b>	<b>3,580.97</b>	<b>55.61%</b>
Trung bình 20 ngày	20,970.74	12.60%	11,961.61	14.59%	3,225.13	11.03%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	224	51%	22	73%	88	24%
<b>Số mã giảm</b>	165	37%	7	23%	92	25%
<b>Số mã đứng giá</b>	54	12%	1	3%	186	51%



Thị trường có phiên tăng điểm khá tích cực trong ngày giao dịch đầu tiên của tháng 7 khi nhà đầu tư mạnh tay xuống tiền sau những phiên giao dịch có phần âm ảm trước đó. Đường như tâm lý của nhà đầu tư không bị lung lay quá nhiều bởi số liệu PMI tiêu cực vừa được công bố mà thay vào đó tích cực rót tiền vào các nhóm cổ phiếu trụ để kéo chỉ số, đặc biệt là sự hưng phấn của nhóm chứng khoán.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index đóng cửa vượt đỉnh tại mức 1,417.08 điểm (+0.61%). Thanh khoản gia tăng đáng kể so với phiên trước và thậm chí đã tăng trở lại vượt trên mức trung bình với KLGĐ khớp lệnh đạt 699.3 triệu cổ phiếu (+31.4%), tương đương 23,613 tỷ đồng giá trị (+33.1%). Độ rộng thị trường cũng đồng thuận khi số mã tăng chiếm ưu thế với 224 mã tăng/165 mã giảm.

Trong đó, tâm điểm của phiên giao dịch hôm nay đến từ nhóm chứng khoán với các cổ phiếu dẫn dắt như Chứng khoán SSI-SSI (+4.5%), Chứng khoán TPHCM-HCM (+5.7%) hay Chứng khoán Bản Việt-VCI (+4.2%). Cùng với đó, dòng tiền cũng chạy mạnh vào một số cổ phiếu trụ cột đáng chú ý như VPBank-VPB (+4.0%), Hòa Phát-HPG (+2.5%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+4.0%), Masan-MSN (+2.8%). Ở chiều ngược lại, không có nhiều những cổ phiếu Bluechips giảm điểm và mức giảm cũng không quá đáng kể, tập trung ở nhóm BĐS với Vinhomes-VHM (-0.7%), Vingroup-VIC (-0.3%), Novaland-NVL (-0.8%).

Khối ngoại đảo chiều bán ròng trở lại trên sàn HoSE, đạt giá trị 232.5 tỷ đồng. Với lực bán tập trung nhiều ở các cổ phiếu VPBank-VPB (-336.9 tỷ), Vietinbank-CTG (-298.0 tỷ) và Novaland-NVL (-57.5 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu được mua nhiều nhất bởi khối ngoại là Vietcombank-VCB (+76.8 tỷ), Masan-MSN (+45.1 tỷ) và chứng chỉ Quỹ-E1VFN30 (+43.9 tỷ).

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VCG	11,972.9	554.94
TPB	6,570.0	241.45
NVL	1,897.5	232.01
EIB	5,415.3	162.01
SJS	1,240.0	70.68
HPG	1,187.6	59.79
HDB	1,630.0	57.87
FUEVFNND	2,200.0	56.51
E1VFN30	2,100.0	54.29
AGG	890.0	42.71
<b>HNX</b>		
IDC	4,299.6	167.49
VND	270.0	11.07
VC3	121.0	2.43
VMC	220.0	2.38
HUT	209.1	1.51
D11	60.0	1.30
SHB	20.3	0.57
PMC	9.1	0.56
THS	32.1	0.55
GLT	20.0	0.52

Trên sàn HNX, chỉ số HNX-Index đóng cửa tăng hơn 2 điểm lên mức 325.72 điểm (+0.74%). Thanh khoản cũng tăng tích cực với KLGD khớp lệnh đạt 151.1 triệu cổ phiếu (+51.3%), tương đương 3,581.0 tỷ đồng giá trị (+55.6%).

Tương tự như sàn HoSE, nhóm cổ phiếu chứng khoán trên sàn HNX cũng đồng loạt hưởng ứng với nhiều mã tăng trần và tăng mạnh cùng thanh khoản tăng cao như Chứng khoán MB-MBS (+9.9%), Chứng khoán BIDV-BSI (+9.8%), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (+10.0%), Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+6.6%). Bên cạnh đó, một số cổ phiếu cũng có phiên đảo chiều tăng khá ấn tượng như Vicostone-VCS (+2.8%), Tasco-HUT (+7.6%). Ở chiều ngược lại, áp lực bán không quá mạnh, tập trung ở một vài cổ phiếu trụ như Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-1.0%), Dầu khí PTSC-PVS (-1.7%).

Khối ngoại đẩy mạnh bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 9.5 tỷ đồng (+138.1%). Trong đó, khối ngoại bán ròng chủ yếu các cổ phiếu Chứng khoán VNDIRECT-VND (-11.7 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-2.9 tỷ) và Tập đoàn PAN-PAN (-2.8 tỷ). Trái lại, Thaiholdings-THD (+2.1 tỷ), Dầu khí PTSC-PVS (+1.7 tỷ), Chứng khoán MB-MBS (+1.7 tỷ) là những cổ phiếu dẫn đầu ở chiều mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên tăng điểm. Khối lượng giao dịch gia tăng vượt bình quân 10 và 20 phiên, hàm ý dòng tiền tham gia trở lại thị trường. Không những vậy, xu hướng tăng đang tiếp diễn, khi chỉ số duy trì đóng cửa trên MA5, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực. Thêm vào đó, bộ chỉ báo MACD và RSI đang đi lên củng cố cho đà tăng điểm, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục đi lên thử thách ngưỡng tâm lý 1,500 điểm trong những phiên tới. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Chỉ số có phiên tăng điểm trở lại và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng tăng đang tiếp diễn, chỉ số có thể hướng lên thử thách lại vùng đỉnh 330 điểm. Nhìn chung, thị trường đang trong xu hướng tăng. Do đó, nhà đầu tư có thể tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả kinh doanh quý 2 tăng trưởng và đang hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ITD	15.4	798.5	6.9%
UDC	6.3	176.4	6.9%
HRC	66.3	54.5	6.9%
VPH	6.2	644.3	6.9%
FIT	17.0	12,672.0	6.9%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VOS	6.9	886.4	-7.0%
SVD	8.7	459.5	-6.9%
LM8	10.0	13.1	-6.8%
SVC	64.3	1.8	-6.8%
LGC	52.0	2.1	-6.8%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	70.4	2,142.0	4.0%
HPG	52.8	2,134.5	2.5%
CTG	52.4	1,547.9	-0.6%
MBB	43.5	1,101.8	0.2%
TCB	53.3	1,024.3	1.1%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HPG	52.8	40,857.6	2.5%
FLC	13.4	32,162.4	0.8%
VPB	70.4	30,962.8	4.0%
STB	31.0	29,657.5	1.3%
CTG	52.4	29,466.2	-0.6%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
BVS	33.1	2,676.1	10.0%
MBS	34.5	5,455.7	9.9%
BSI	24.7	3,949.3	9.8%
GLT	31.7	44.4	9.7%
DL1	9.2	54.2	9.5%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
THT	10.8	427.1	-10.0%
DVG	12.0	118.5	-9.8%
TVD	10.2	965.5	-9.7%
TKU	19.0	0.2	-9.5%
TDN	10.7	389.7	-9.3%

#### Top 5 giá trị

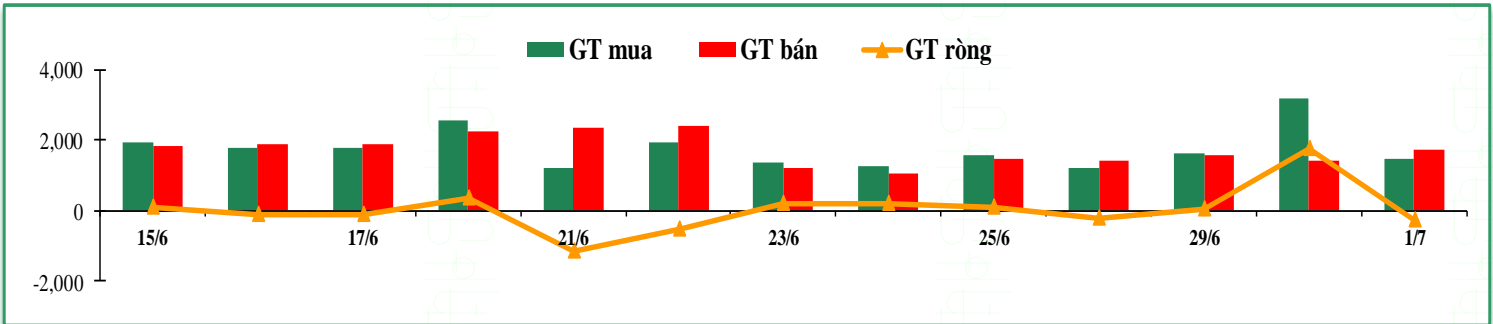
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	28.3	641.1	-1.7%
SHB	28.4	544.5	-1.0%
SHS	46.9	465.7	6.6%
VND	46.4	444.9	4.5%
IDC	36.3	225.8	0.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PVS	28.3	22,790.3	-1.7%
SHB	28.4	19,127.8	-1.0%
SHS	46.9	10,191.7	6.6%
VND	46.4	9,761.3	4.5%
KLF	5.1	8,996.9	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,449.7	5.5%	1,682.2	6.4%	-232.5
HNX	18.9	0.5%	28.4	0.8%	-9.5
<b>Tổng số</b>	<b>1,468.5</b>		<b>1,710.6</b>		<b>-242.1</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	116.4	138.5	0.0%
HPG	52.8	126.3	2.5%
MBB	43.5	103.0	0.2%
CTG	52.4	78.0	-0.6%
VNM	90.9	77.3	0.6%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
CTG	52.4	375.9	-0.6%
VPB	70.4	336.9	4.0%
VIC	118.6	98.7	-0.3%
HPG	52.8	95.3	2.5%
VHM	117.2	91.8	-0.7%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCB	116.4	76.8	0.0%
MSN	113.5	45.1	2.8%
E1VFN30	25.9	43.9	0.2%
MBB	43.5	40.2	0.2%
GAS	94.2	36.9	1.3%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VCS	111.9	3.9	2.8%
PVS	28.3	2.6	-1.7%
THD	207.7	2.1	0.3%
MBS	34.5	2.1	9.9%
APS	16.4	1.4	7.9%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	46.4	12.3	4.5%
BVS	33.1	3.2	10.0%
PAN	27.2	3.1	0.4%
PCG	7.1	2.5	-9.0%
VCS	111.9	2.2	2.8%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
THD	207.7	2.1	0.3%
PVS	28.3	1.7	-1.7%
MBS	34.5	1.7	9.9%
VCS	111.9	1.7	2.8%
APS	16.4	1.4	7.9%

## Tin trong nước

### **PMI tháng 6 giảm mạnh xuống còn 44,1 điểm, mức nghiêm trọng nhất trong hơn một năm**

Theo số liệu mới công bố của IHS Markit, Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất của Việt Nam đã giảm mạnh từ 53,1 của tháng 5 xuống còn 44,1 trong tháng 6. Như vậy, các điều kiện kinh doanh suy giảm mạnh nhất trong hơn một năm và từ đó kết thúc thời kỳ tăng kéo dài 6 tháng.

Trong khi đó, số lượng đơn đặt hàng mới từ nước ngoài cũng giảm khi những khó khăn trong khâu vận tải và tình trạng khan hiếm container đã làm trầm trọng hơn ảnh hưởng của đợt bùng phát các ca nhiễm virus.

Tương tự, hoạt động mua hàng giảm với tốc độ nhanh nhất kể từ khi mức giảm tồi tệ nhất được ghi nhận vào tháng 4/2020 sau đợt bùng phát đầu tiên của đại dịch. Hoạt động mua hàng hóa đầu vào giảm đã khiến tồn kho hàng mua giảm mạnh. Tồn kho thành phẩm cũng giảm trong tháng 6, sau khi hầu như không thay đổi trong tháng 5.

### **Mỹ áp thuế chống bán phá giá cá tra Việt Nam ở mức 2,39 USD/kg, trừ Vĩnh Hoàn và Nam Việt**

Ngày 28/6, Bộ Thương mại Mỹ (DOC) ban hành kết luận cuối cùng đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá (CBPG) lần thứ 16 (POR16) cho giai đoạn rà soát từ ngày 1/8/2018 đến 31/7/2019 đối với cá tra Việt Nam.

DOC xác định mức thuế CBPG đối với Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn và Công ty Cổ phần Nam Việt trong đợt rà soát này là 0 USD/kg. Đối với các nhà sản xuất, xuất khẩu cá tra khác của Việt Nam, thuế CBPG không thay đổi, ở mức 2,39 USD/kg.

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), kết luận của DOC là kết quả tích cực đối với ngành sản xuất, xuất khẩu thủy sản Việt Nam.

Tính đến hết tháng 5, tổng giá trị xuất khẩu cá tra Việt Nam đạt 637,8 triệu USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó đứng đầu là sang thị trường Trung Quốc (165,5 triệu USD), tiếp đó là Mỹ (134,2 triệu USD).

Nguồn: NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Tập đoàn Masan nâng sở hữu The CrownX lên 85%, huy động tiếp 400 triệu USD**

Tập đoàn Masan (HoSE: MSN) công bố việc mua lại cổ phần của The CrownX (TCX) từ các cổ đông thiểu số. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu trực tiếp và gián tiếp của Masan Group tại The CrownX tăng từ 80,2% lên 84,9%.

Giữa tháng 6, tập đoàn vừa thông báo hoàn tất phát hành 5,5% cổ phần mới của The CrownX cho nhóm nhà đầu tư, trong đó có Alibaba Group và Baring Private Equity Asia với tổng giá trị tiền mặt 400 triệu USD. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của Masan Group tại CrownX giảm xuống 80,2%.

Lãnh đạo Masan Group vẫn đang có kế hoạch huy động thêm 300-400 triệu USD vốn đầu tư vào The CrownX trong nửa cuối năm 2021.

### **Tín dụng Vietcombank tăng gần 9% trong 6 tháng**

Chiều 30/6 tại trụ sở của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) đã diễn ra lễ ký kết Thỏa thuận Hợp tác Toàn diện và Hợp đồng tín dụng tài trợ Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 giữa EVN và Vietcombank.

Việc cấp tín dụng hơn 27.000 tỷ cho Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 sẽ giúp tăng thị phần của EVN ở Vietcombank.

Trong 6 tháng đầu, tín dụng của Vietcombank đã tăng trưởng gần 9%, gần gấp đôi so với mức bình quân toàn ngành. Và theo ông Nghiêm Xuân Thành, Chủ tịch Vietcombank, năm nay ngân hàng sẽ tiếp tục dẫn đầu toàn ngành về quy mô tăng trưởng tín dụng.

### **Họp ĐHĐCĐ Cao su Đồng Phú: Thông qua chia cổ tức 40% bằng tiền, thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1**

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 29/6, cổ đông Cao su Đồng Phú (HoSE: DPR) đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2020 tỷ lệ 40% mệnh giá, tương đương tổng giá trị thanh toán 161 tỷ đồng. Doanh nghiệp đã tạm ứng 25%, phần còn lại sẽ chia trong năm nay.

Ngoài ra, Cao su Đồng Phú sẽ phát hành tối đa 43,4 triệu cổ phiếu từ nguồn quỹ đầu tư phát triển để thưởng cho cổ đông. Lượng cổ phiếu phát hành thêm để thưởng cho cổ đông sẽ không bị hạn chế chuyển nhượng, vốn điều lệ doanh nghiệp dự kiến gấp đôi lên 869 tỷ đồng.

Tại thời điểm cuối năm, doanh nghiệp có 154 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, 1.120 tỷ đồng quỹ đầu tư phát triển và 147 tỷ đồng thặng dư vốn cổ phần

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FRT	Mua	02/07/21	27.55	27.55	0.0%	32.5	18.0%	26.4	-4.2%	Tiếp diễn xu hướng phục hồi
2	PLX	Mua	02/07/21	55.5	55.5	0.0%	60	8.1%	54	-2.7%	Cổ phiếu có dấu hiệu kết thúc điều chỉnh và quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	DIG	Quan sát mua	02/07/21	25.95	30   32	Khả năng đang sideway trong mẫu hình Tam giác với vol giảm thấp dần + phiên tăng kéo MACD Histogram tăng trở lại -> khả năng sớm có phiên break và bắt đầu nhịp tăng
2	HAH	Quan sát mua	02/07/21	32.1	36	Phiên break nền tích lũy ngắn hạn kèm vol cao trở lại -> có thể canh mua khi giá điều chỉnh về vùng 31.6-31.8
3	DRC	Quan sát mua	02/07/21	31.65	34.5-35	Phiên tăng mạnh vượt đỉnh thời đại 31 kèm vol cao -> khả năng tiếp tục xu hướng tăng

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59.6	49.9	19.4%	66	32.3%	47	-6%	
2	VRE	Mua	10/06/21	31.8	31.7	0.3%	36	13.6%	30	-5%	
3	KBC	Mua	15/06/21	39.5	35.4	11.6%	42	19%	33.3	-6%	
4	VCS	Mua	16/06/21	111.9	103.7	7.9%	122	18%	97.8	-6%	
5	VNM	Mua	21/06/21	90.9	92.1	-1.3%	101.5	10%	88.6	-4%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

6	HPG	Mua	29/06/21	52.8	52.4	0.8%	60	15%	49.8	-5%	
7	TLH	Mua	29/06/21	17.45	17.8	-2.0%	20.25	14%	16.7	-6%	
8	CNG	Mua	30/06/21	24.1	24.2	-0.4%	26.5	10%	23.5	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 01/07/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2101	1,500	4,500	2.5%	200%	27,790	4	88,900	4,768	268	MBS	FPT	64,120	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,240	8.0%	224%	2,750	83	36,450	1,342	(1,898)	KIS	HDB	29,890	5.0	22/09/2021
CHPG2101	1,050	8,350	2.5%	695%	14,050	83	52,800	6,379	(1,971)	KIS	HPG	34,470	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	30,500	4.1%	362%	42,370	4	52,800	32,382	1,882	ACBS	HPG	30,140	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	13,950	3.3%	258%	13,480	5	52,800	14,619	669	VND	HPG	30,880	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	8,750	21.5%	483%	28,230	4	52,800	9,031	281	MBS	HPG	32,940	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,390	2.3%	446%	10,200	39	52,800	14,661	(1,729)	HCM	HPG	30,880	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	13,350	4.3%	226%	5,090	57	52,800	10,676	(2,674)	MBS	HPG	36,910	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	4,970	3.3%	282%	24,750	42	52,800	2,502	(2,468)	KIS	HPG	43,650	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	4,900	4.0%	308%	22,680	42	52,800	2,486	(2,414)	KIS	HPG	43,710	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,750	1.4%	134%	15,220	46	37,700	3,588	(162)	KIS	KDH	24,850	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,980	2.8%	198%	4,630	83	37,700	1,677	(1,303)	KIS	KDH	30,300	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,440	2.6%	94%	7,960	43	37,700	5,279	(161)	MBS	KDH	28,270	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	8,260	-0.7%	416%	21,600	5	43,450	8,729	469	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,100	-2.2%	158%	2,670	42	43,450	907	(2,193)	KIS	MBB	34,470	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,700	0.0%	157%	4,590	83	113,500	758	(1,942)	KIS	MSN	99,150	19.8	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,100	-6.3%	110%	3,860	83	113,500	301	(1,799)	KIS	MSN	110,160	19.8	22/09/2021
CMSN2103	3,000	4,870	18.8%	62%	9,110	43	113,500	4,487	(383)	MBS	MSN	87,250	5.9	13/08/2021
CMWG2101	2,400	3,150	1.6%	31%	11,570	5	151,100	3,413	263	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,850	0.0%	128%	7,070	32	151,100	6,265	(585)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	2,100	4.0%	11%	41,220	4	151,100	2,263	163	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	6,800	0.0%	183%	5,450	(101)	151,100	(56)	(6,856)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	3,860	4.3%	31%	4,630	57	151,100	2,505	(1,355)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	5,660	0.2%	466%	25,890	83	120,000	5,422	(238)	KIS	NVL	56,840	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,750	-2.1%	241%	29,810	88	120,000	2,191	(1,559)	KIS	NVL	94,640	11.8	27/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CPDR2101	1,100	4,370	6.6%	297%	11,240	57	95,900	1,504	(2,866)	KIS	PDR	88,890	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	4,980	6.0%	353%	2,930	88	95,900	1,641	(3,339)	KIS	PDR	89,000	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,100	0.5%	24%	39,490	5	100,200	2,320	220	VND	PNJ	77,250	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,850	0.0%	143%	8,470	32	100,200	4,224	(626)	VCI	PNJ	79,230	5.0	02/08/2021
CREE2101	2,300	2,240	0.0%	-3%	25,270	5	57,600	2,404	164	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,400	4.4%	118%	2,930	83	21,350	12	(2,388)	KIS	SBT	24,670	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,340	1.4%	534%	4,700	83	31,000	4,554	(1,786)	KIS	STB	22,000	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,300	2.1%	421%	15,090	39	31,000	6,521	(779)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,300	3.0%	158%	3,590	57	31,000	8,177	(2,123)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	31,310	1.1%	480%	9,960	29	53,300	31,337	27	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	-0.8%	380%	6,020	96	53,300	22,475	(1,525)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,020	0.0%	249%	26,150	5	53,300	8,655	635	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,500	3.8%	228%	23,780	39	53,300	8,941	(559)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	6,940	15.7%	247%	6,790	57	53,300	3,828	(3,112)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	1,140	-0.9%	-29%	10,790	46	21,900	18	(1,122)	KIS	TCH	23,410	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,190	4.3%	119%	820	83	21,900	56	(2,134)	KIS	TCH	24,060	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	1,230	21.8%	-55%	14,200	43	21,900	1	(1,229)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,080	-4.4%	-10%	24,580	42	21,900	(0)	(1,080)	KIS	TCH	31,670	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	2,530	-11.9%	130%	4,710	83	117,200	699	(1,831)	KIS	VHM	106,890	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,870	-2.7%	51%	39,730	5	117,200	3,023	153	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	2,970	-1.0%	86%	12,410	39	117,200	1,942	(1,028)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	2,780	39.0%	85%	10,140	43	117,200	1,496	(1,284)	MBS	VHM	105,500	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,260	-3.8%	151%	6,150	42	117,200	120	(3,140)	KIS	VHM	118,670	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	2,250	-13.5%	125%	15,380	83	118,600	44	(2,206)	KIS	VIC	126,890	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,000	-9.1%	82%	6,190	88	118,600	0	(2,000)	KIS	VIC	165,900	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	1,970	-1.0%	79%	1,860	83	90,900	0	(1,970)	KIS	VNM	124,180	19.6	22/09/2021
CVNM2102	1,700	90	0.0%	-95%	49,670	5	90,900	0	(90)	VND	VNM	107,650	9.8	06/07/2021
CVNM2104	1,480	2,190	32.7%	48%	17,130	74	90,900	5	(2,185)	MBS	VNM	101,730	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,650	-5.2%	50%	14,890	88	90,900	0	(1,650)	KIS	VNM	117,930	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	43,840	5.2%	683%	2,090	29	70,400	44,444	604	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,160	4.6%	423%	8,770	5	70,400	16,705	1,545	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	16,380	16.8%	507%	18,060	39	70,400	16,992	612	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	9,200	15.0%	268%	12,840	57	70,400	7,188	(2,012)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	5,500	0.0%	10%	5,970	29	31,800	4,347	(1,153)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,100	-4.6%	75%	3,040	83	31,800	59	(2,041)	KIS	VRE	34,570	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	440	-15.4%	-76%	46,170	5	31,800	452	12	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2103	1,300	1,250	-1.6%	-4%	18,090	39	31,800	106	(1,144)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	1,840	22.7%	-39%	12,020	43	31,800	11	(1,829)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
TPB	(New)	HOSE	37,200	42,600	25/06/2021	4,546	3,880	19,024	23%	2%	11.0	2.2	0%
KDC	(New)	HOSE	62,000	65,200	24/06/2021	510	1,800	32,806	7%	4%	37.1	2.8	6%
KDH	(New)	HOSE	37,700	37,950	16/06/2021	1,174	1,885	14,536	15%	9%	20.1	2.6	-
SZC	(New)	HOSE	38,500	44,400	15/06/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	21.2	3.3	10%
GMD	(New)	HOSE	44,700	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA		HOSE	19,450	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG		HOSE	39,400	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE		HOSE	31,800	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	117,200	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	56,700	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	36,400	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
KBC		HOSE	39,500	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	57,600	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	33,350	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	45,100	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,800	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	40,000	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-
IMP		HOSE	79,500	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,700	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	27,550	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	129,800	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	100,200	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	151,100	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	167,700	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

MSN		HOSE	113,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	90,900	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	89,300	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	39,700	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	120,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	42,900	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	116,400	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,950	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	53,300	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	17,100	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	58,900	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	64,800	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	88,900	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	18,900	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	41,300	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	78,400	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	55,500	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	21,350	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	41,400	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	94,200	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	61,700	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	23,200	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	61,600	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	20,800	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,550	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	45,200	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-
CTR		UPCOM	71,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,100	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

\*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tầng 21, Tòa nhà Phú Mỹ Hưng, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng.

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.